

Số: 01/2025/QĐCNHGT- DS

Sìn Hồ, ngày 29 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của Ngân hàng N1 (A1). Người đại diện theo ủy quyền: ông Đào Giang N, sinh năm 1984 - Chức vụ: Giám đốc chi nhánh và Người bị kiện: anh Mai Thế T, sinh năm 1990.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện về tranh chấp hợp đồng tín dụng đề ngày 16 tháng 4 năm 2025 của (A1).

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 12 tháng 5 năm 2025 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

Người khởi kiện: Ngân hàng N1 (A1). Địa chỉ trụ sở chính: Số B đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V; Chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: ông Đào Giang N, sinh năm 1984 - Chức vụ: Giám đốc chi nhánh.

Địa chỉ: khu B thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu.

Người bị kiện: anh Mai Thế T, sinh năm 1990

Địa chỉ: khu phố E, thị trấn S, huyện S, huyện S, tỉnh Lai Châu. Địa chỉ nơi làm việc: Công an xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 12 tháng 5 năm 2025 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 12 tháng 5 năm 2025, cụ thể như sau:

- Ngân hàng N1 trình bày hiện nay anh Mai Thế T đang nợ Ngân hàng N1 với tổng dư nợ đến buổi hòa giải hôm nay (tính đến ngày 12/5/2025) là 187.981.328 đồng (Trong đó hợp đồng tín dụng số 7803-LAV 202200755, ngày 16/9/2022 hợp đồng vay qua lương, không có tài sản đảm bảo); trong đó nợ gốc là 117.000.000 đồng; nợ tiền lãi là 22.746.328 đồng; tổng tiền nợ gốc và nợ lãi là: 138.746.328 đồng. Hợp đồng tín dụng số: 7803LAV 202200703, ngày 22/8/2022 (Hợp đồng thấu chi); trong đó tiền nợ gốc và lãi tổng là: 48.325.235 đồng.

Người khởi kiện Ngân hàng N1 và người bị kiện anh Mai Thế T thỏa thuận, thống nhất anh Mai Thế T có trách nhiệm trả khoản nợ vay đối với 02 hợp đồng tín dụng nêu trên thành 02 đợt cụ thể. Trước ngày 28/5/2025 anh Mai Thế T phải trả số tiền 50.000.000 đồng cho Ngân hàng và trước ngày 12/6/2025 trả số tiền 83.000.000 đồng (tổng số tiền phải thanh toán là 133.000.000 đồng) cho Ngân hàng N1. Từ tháng 7 năm 2025 trở đi anh Mai Thế T phải thực hiện việc trả nợ số tiền gốc 3.000.000 đồng/tháng và lãi suất thực tế phát sinh đến khi trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng trước ngày 20 hàng tháng. Toàn bộ số tiền trả nợ anh T phải thực hiện chuyển về số tài khoản Ngân hàng A1 số: 7803399993999; tên chủ tài khoản: Mai Thế T để Ngân hàng thực hiện việc khấu trừ nợ.

Trường hợp anh Mai Thế T không thực hiện việc trả nợ theo như thỏa thuận đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự thi hành buộc anh Mai Thế T thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự mà người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND huyện Sìn Hồ;
- Chi cục THADS huyện Sìn Hồ;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Lê Minh Tuấn

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 01-QĐHG:

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN THÀNH PHỐ HÀ NỘI). Tòa án cấp tỉnh để riêng một dòng (trong ví dụ trên thì THÀNH PHỐ HÀ NỘI để riêng một dòng); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định, ô thứ ba ghi lĩnh vực tranh chấp (ví dụ: Số: 02/2021/QĐCNHGT-KDTM).

(3) Ghi họ và tên của người yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà người khởi kiện yêu cầu giải quyết.

(5) Ghi tên của người khởi kiện. Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên của người đó và tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức đó.

(6) Ghi tên, địa chỉ của các bên tham gia hòa giải, người đại diện, người phiên dịch (nếu có); Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó. Đối với người đại diện thì ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo ủy quyền; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người được đại diện; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A; cư trú tại... là người đại diện theo pháp luật của người khởi kiện (Giám đốc Công ty TNHH T1).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B; cư trú tại... là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (Văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...).

(7) Ghi đầy đủ, lần lượt các thoả thuận của các bên tham gia hòa giải về từng vấn đề đã được thể hiện trong Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải.

